TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11/4/2025
V/v *" Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hoàng Bá;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Lợi - Kiểm sát viên sơ cấp – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2025/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025; Quyết định ngừng phiên tòa số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1973 (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1971 (Vắng mặt lần 2).

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau: Hôn nhân của bà và ông Nguyễn Quốc T là do tự quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau khoảng 02 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 1995, có đăng ký kết hôn ngày 01/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bà và bị đơn chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế; ông T đi làm xa

nhà không quan chăm sóc gia đình, không đưa tiền cho bà phụ giúp gia đình, không chăm sóc khi bà bệnh, chỉ có lần bà bị bệnh vào tháng 12/2024 ông T có đưa cho bà 2.00.000 đồng. Từ đó, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng nhiều; đồng thời bà H không tin tưởng sự chung thủy của ông T, nhiều lần bà đề nghị nhưng ông T không đồng ý về nhà chung sống mà vẫn đi làm xa. Vợ, chồng ly thân từ mùng 07/01/2025 (âl) cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm ai. Nay bà không còn tình cảm với ông T nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 2001. Tất cả đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có gia đình riêng nên khi ly hôn, bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 11 tháng 3 năm 2025 ông đã trình bày: Ông thống nhất với bà H về thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn là đúng. Nguyên nhân vợ, chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, ông có đi làm xa nhưng vẫn đem tiền về lo cho gia đình, mỗi tháng ông gửi về từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Nguyên đơn nghi ngờ sự chung thủy của ông nhưng ông không có quen biết hay yêu thương ai, bà H không tin tưởng ông nên vợ chồng hay cãi vả, không có tiếng nói chung và đã ly thân từ mùng 7/01/2025 (âm lịch) cho đến nay. Từ khi ly thân thì không ai quan tâm đến ai. Nay ông còn tình cảm với nguyên đơn nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông thống nhất với bà H có 02 chung là đúng. Trường hợp ly hôn ông thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết do tất cả đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Về tài sản chung và nợ: Ông thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H được ly hôn với ông T. Về con, có 02 con chung đã đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Quốc T có nơi cư trú tại ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân của bà H và ông T là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên, bị đơn trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của ông, bà chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong xây dựng hạnh phúc cũng như kinh tế gia đình. Nguyên đơn không tin tưởng sự chung thủy của bị đơn nhưng bị đơn cũng không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn gia đình nên mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng; điều này cho thấy tình cảm nguyên đơn, bị đơn dành cho nhau không vượt qua được thử thách đời thường nên mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu duy trì cuộc sống hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho ông T. Vì Vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 2001; tất cả đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 35, 39, 40, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn có 02 con chung là Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 2001; tất cả đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0003918 ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ nên nguyên đơn không phải nộp thêm án phí.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Hà Thía